

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiêu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Ch, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị M có đơn xin vắng mặt, anh Ch vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị M trình bày: Chị với anh Ch chung sống vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/11/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm sống, anh Ch không

quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh chị, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Vì không muốn gia đình đổ vỡ, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của các con nên chị luôn nhường nhịn anh Ch trong cuộc sống và khuyên anh Ch sửa đổi tính tình để cùng chị lo làm nuôi con, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Ch không nghe. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên N, sinh ngày 17/7/2001 và L, sinh ngày 24/8/2009. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục L, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi L. Cháu N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Ch đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị M có đơn xin vắng mặt. Anh Ch đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M và anh Ch theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh Ch chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/11/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh Ch là hợp pháp. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn như trên nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh Ch. Nhưng anh Ch là chồng mà không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị M nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị M và anh Ch có hai người con chung N, sinh ngày 17/7/2001 và L, sinh ngày 24/8/2009.

Xét yêu cầu nuôi dưỡng L của chị M, thấy rằng: L hiện nay đang sống ổn định với chị M. Mặt khác, L đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với chị M khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của L, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao L cho chị M nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu N đã thành niên, chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét chị M không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi L nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này chị M có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định tài sản chung và nợ chung không có; anh Ch không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị M ly hôn với anh Ch.
2. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 24/8/2009 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001359 ngày

09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị M đã thi hành xong án phí.

4. Chị M, anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức